TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rỏn.
2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim H - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-9-2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Võ Minh T cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 quyển số 01/2002 ngày 28-6-2002. Chung sống hạnh phúc đến những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, ông T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình. Ly thân từ tháng 01-2023 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Minh T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Nhựt K, sinh ngày 22-02-2003, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Võ Thị Khánh K1, sinh ngày 11-12-2009, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Minh T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Phan Thị Kim H và ông Võ Minh T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 26-6-2002 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Ông T được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận định: Bà H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cải vã, ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, qua lời trình bày của bà H nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Con chung Võ Thị Nhựt K đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu con chung Võ Thị Khánh K1 có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, con chung có nguyện vọng sống với ông T. Vì vậy, giao con chung Khánh K1 cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc ông T vắng mặt không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim H được ly hôn với ông Võ Minh T.

2. Về nuôi con chung:

Con chung Võ Thị Nhựt K, sinh ngày 22-02-2003 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Võ Minh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Khánh K1, sinh ngày 11-12-2009, hiện đang sống với bà H. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H có nghĩa vụ giao con chung Võ Thị Khánh K1 cho ông T nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà H và ông T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0002267 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thành (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái